

Số: 3663 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước
lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của
Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 165/TTr-SNN ngày 30/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CD ANHP;
- Công TTTTP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Lưu: VT, KSTTHC5.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TP HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 3663 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Thẩm quyền giải quyết	Cơ quan thực hiện
1	Thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Nông thôn mới	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
2	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
3	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
4	Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố	Lâm nghiệp - kiểm lâm	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
5	Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Lâm nghiệp - kiểm lâm	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
6	Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	Lâm nghiệp - kiểm lâm	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
7	Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng	Lâm nghiệp - kiểm lâm	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
8	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh	Chăn nuôi và Thú y	UBND thành phố	Sở NN và PTNT

9	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản	Chăn nuôi và Thú y	UBND thành phố	Sở NN và PTNT
10	Quyết định điều chỉnh ranh giới diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh	Thủy sản	UBND thành phố	Sở NN và PTNT

**Phụ lục II. NỘI DUNG CỤ THỂ
CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

*(Kèm theo Quyết định số 3663 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Lĩnh vực nông thôn mới (01 TTHC nội bộ)

Thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

1. Trình tự thực hiện	<p>- Bước 1: Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện tổ chức xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã; gửi báo cáo đề lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của cấp huyện trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi đến Nhân dân.</p> <p>- Bước 2: Hoàn thiện hồ sơ UBND cấp huyện bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; gửi hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đối với từng xã không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp hoặc qua bưu điện.</p> <p>- Bước 3: Tổ chức thẩm định, thu hồi quyết định công nhận Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu thì UBND thành phố trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh xây dựng báo cáo và báo cáo UBND thành phố về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị thu hồi quyết định công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành thành phố đánh giá, xác nhận mức độ không đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách). Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn theo đề nghị của Sở</p>
-----------------------	---

	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của thành phố.
2. Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc qua bưu điện
3. Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo biểu chi tiết đánh giá mức độ không đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg); - Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính, theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg). <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
4. Thời hạn giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày; - UBND thành phố trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
5. Đối tượng thực hiện:	UBND cấp huyện
6. Cơ quan giải quyết:	UBND thành phố
7. Kết quả thực hiện:	Quyết định thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo biểu chi tiết đánh giá mức độ không đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg); - Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính, theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).
9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn

	mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn
--	---

II. Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (02 TTHC nội bộ)

1. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

<p>1. Trình tự thực hiện</p>	<p>- Bước 1: Báo cáo tình hình sinh vật gây hại</p> <p>Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra, đánh giá tình hình dịch hại, tổng hợp báo cáo trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.</p> <p>Điều kiện công bố dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Khi sinh vật gây hại gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật. + Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch. - Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ: Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.
-------------------------------------	---

	<p>- Bước 2: Quyết định công bố dịch hại thực vật</p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.</p> <p>- Bước 3: Công bố Quyết định</p> <p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.</p>
<p>2. Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến</p>
<p>3. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>* Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV); - Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV); - Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV). <p>* Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
<p>4. Thời hạn giải quyết</p>	<p>05 ngày</p>

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6. Cơ quan giải quyết	Ủy ban nhân dân thành phố
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.
8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV); - Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV); - Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).
9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Tiêu chuẩn cơ sở 661:2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật. - Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hải Phòng, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công bố dịch ... (tên sinh vật gây hại)... hại ... (tên cây trồng)...
trên địa bàn

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt

Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi).

Phần 3: Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch hại tại địa phương của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, SNN.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Số:

Hải Phòng, ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

BÁO CÁO

Tình hình ... (tên sinh vật gây hại) ... hại ... (tên cây trồng) ... trên địa bàn xã huyện thành phố
(Kèm theo Tờ trình số ngày của Sở Nông nghiệp và PTNT)

I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI

1. Thời tiết: Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.

2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển

Báo cáo tổng hợp diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại

Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thông kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (*bảng thống kê kèm theo*).

II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo thực hiện

Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện.

2. Kết quả phòng trừ

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch

Một số nội dung tham khảo:

- Giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng;
- Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng;
- Yếu tố thời tiết;
- Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh;
- Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh), ...;
- Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.

2. Dự kiến

- Diện tích nhiễm, mức độ gây hại của dịch hại trong thời gian tới;
- Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
- Địa điểm bùng phát dịch hại;
- Khả năng thiệt hại năng suất (%).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, BVTV.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM

...(tên sinh vật gây hại)... **hại** ...(tên cây trồng)...

Đến ngày tháng năm

(Kèm theo Tờ trình số ngày của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Huyện/Xã	Giai đoạn sinh trưởng của cây trồng	Diện tích nhiễm (ha)									Diện tích nhiễm dự kiến (ha)	Ghi chú
			Tổng số			Nặng			Mất trắng				
			Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)	So với TB 02 năm trước liền kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)	So với TB 02 năm trước liền kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)	So với TB 02 năm trước liền kề (%)		

(*) Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liền kề chia trung bình

Số:

Hải Phòng, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đề nghị công bố dịch ... (tên sinh vật gây hại)... hại ... (tên cây trồng)...
trên địa bàn (xã/huyện/thành phố).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Các căn cứ pháp lý;

Xét đề nghị của giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố dịch ... (tên sinh vật gây hại)... hại ... (tên cây trồng)...
trên phạm vi ... (xã/huyện/thành phố)... từ ngày

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể)

Một số nội dung tham khảo

- *Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống dịch;*

- *Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;*

- *Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại ... và biện pháp chống dịch.*

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

2. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

<p>1. Trình tự thực hiện</p>	<p>- Bước 1: Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch</p> <p>Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Bước 2: Quyết định công bố hết dịch hại thực vật</p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố hết dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.</p> <p>- Bước 3: Công bố Quyết định</p> <p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.</p>
<p>2. Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến</p>
<p>3. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>* Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);</p> <p>- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã / huyện/ tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).</p> <p>* Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
<p>4. Thời hạn giải quyết</p>	<p>05 ngày</p>

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
6. Cơ quan giải quyết	Ủy ban nhân dân thành phố
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định công bố hết dịch hại theo mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.
8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV); - Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã / huyện/ tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).
9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Tiêu chuẩn cơ sở 661:2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật. - Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hải Phòng, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công bố hết dịch (tên sinh vật gây hại)..... hại (tên cây trồng).....
trên địa bàn

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt

Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất

Phần 3: Kiến nghị cấp trên

(Đính kèm Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi cục
Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
phê duyệt và ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, SNN.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hải Phòng, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đề nghị công bố hết dịch ... (tên sinh vật gây hại)... hại ... (tên cây trồng)...
trên địa bàn (xã/huyện/thành phố).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Các căn cứ pháp lý;

Căn cứ khả năng và tình hình thực tế của .. (tên dịch hại)... hại ... (tên cây trồng)... hiện nay trên địa bàn toàn ... (xã-phường/huyện-quận/thành phố) ...

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố hết dịch ... (tên sinh vật gây hại)... hại ... (tên cây trồng)... trên phạm vi ... (xã/huyện/thành phố)... từ ngày

Điều 2. Giao các Sở, ban, ngành (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm:

Một số nội dung tham khảo:

- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết định công bố hết dịch;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên đồng ruộng, thực hiện các biện pháp phòng, trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại của dịch hại;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện dự báo dịch hại, duy trì chế độ báo cáo; báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

III. Lĩnh vực lâm nghiệp - kiểm lâm (04 TTHC nội bộ)

1. Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Trình tự thực hiện	<p>a) Bước 1: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổ chức xây dựng dự án thành lập khu rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;</p> <p>b) Bước 2: Lấy ý kiến tham gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>c) Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu rừng đặc dụng;</p> <p>d) Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định thành lập khu rừng đặc dụng.</p>
2. Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử
3. Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>01 bộ hồ sơ, gồm:</p> <p>a) Tờ trình thành lập khu rừng đặc dụng (bản chính);</p> <p>b) Dự án thành lập khu rừng đặc dụng (bản chính);</p> <p>c) Bản đồ hiện trạng khu rừng đặc dụng (bản chính) tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng đặc dụng;</p> <p>d) Tổng hợp ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;</p> <p>đ) Kết quả thẩm định.</p>
4. Thời hạn giải quyết:	80 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản lấy ý kiến tham gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.
5. Đối tượng thực hiện:	Tổ chức

6. Cơ quan giải quyết:	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
7. Kết quả thực hiện:	Quyết định thành lập khu rừng đặc dụng
8. Phí, lệ phí (nếu có):	Không
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trình tự thực hiện	a) Bước 1: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổ chức xây dựng dự án thành lập khu rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; b) Bước 2: Lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; c) Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu rừng phòng hộ; d) Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định thành lập khu rừng phòng hộ.
2. Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử
3. Thành phần, số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ, gồm: a) Tờ trình của cơ quan quản lý khu rừng phòng hộ (bản chính);

	<p>b) Dự án thành lập khu rừng phòng hộ (bản chính);</p> <p>c) Bản đồ hiện trạng khu rừng phòng hộ (bản chính) tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng phòng hộ;</p>
4. Thời hạn giải quyết:	80 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan
5. Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
6. Cơ quan giải quyết:	<p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.</p>
7. Kết quả thực hiện:	Quyết định thành lập khu rừng phòng hộ
8. Phí, lệ phí (nếu có):	Không
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	<p>Luật Lâm nghiệp năm 2017;</p> <p>Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p>

3. Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Trình tự thực hiện	<p>a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Hồ sơ đề nghị đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên bao gồm: văn bản đề nghị; đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên;</p> <p>b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên quy định tại điểm a khoản 3, Điều 33 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên;</p> <p>c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua đề án đóng hoặc mở cửa rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>
-----------------------	--

	xem xét, quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên trên địa bàn.
2. Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử.
3. Thành phần, số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ, gồm: - Văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên;
4. Thời hạn giải quyết:	10 ngày làm việc kể từ ngày được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án đóng hoặc mở cửa rừng
5. Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
6. Cơ quan giải quyết:	- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
7. Kết quả thực hiện:	Quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên.
8. Phí, lệ phí (nếu có):	Không
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

4. Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng

1. Trình tự thực hiện	<p>a) Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Quý III hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ gồm: tờ trình; kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng.</p> <p>b) Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ kế</p>
-----------------------	---

	<p>hoạch giao rừng, cho thuê rừng cấp huyện và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Trong trường hợp hồ sơ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng chưa hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện.</p> <p>c) Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng hằng năm của cấp huyện xong trước ngày 31 tháng 12.</p>
2. Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Hệ thống văn phòng điện tử.
3. Thành phần, số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ, gồm: Tờ trình; Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng; Báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng
4. Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng cấp huyện và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Trong trường hợp hồ sơ kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng chưa hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện.
5. Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
6. Cơ quan giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.
7. Kết quả thực hiện:	Quyết định phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng.
8. Phí, lệ phí (nếu có):	Không
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	<p>Luật Lâm nghiệp năm 2017;</p> <p>Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p>

IV. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y (02 TTHC nội bộ)

1. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên

Stt	Nội dung	Chi tiết
1	Trình tự thực hiện	<i>Bước 1.</i> Nộp hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân thành phố qua Hệ thống quản lý văn bản thành phố <i>Bước 2:</i> Trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn
2	Cách thức thực hiện	Qua Hệ thống quản lý văn bản thành phố
3	Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	<i>1. Thành phần hồ sơ:</i> - Báo cáo tình hình dịch bệnh động vật trên cạn của Sở Nông nghiệp và PTNT. - Văn bản kết luận chẩn đoán xác định bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật. - Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn của huyện/quận. - Tờ trình đề nghị công bố dịch bệnh động vật trên cạn <i>2. Số lượng hồ sơ:</i> 01 bộ
4	Thời hạn giải quyết	24 giờ kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định
5	Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
6	Cơ quan giải quyết	Ủy ban nhân dân thành phố
7	Kết quả thực hiện	Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn
8	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không có
9	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật thú y năm 2015 - Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; - Thông tư số 24/2019/TTBNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TTBNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT

2. Công bố dịch bệnh động vật thủy sản

Stt	Nội dung	Chi tiết
-----	----------	----------

1	Trình tự thực hiện	Bước 1. Nộp hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân thành phố qua Hệ thống quản lý văn bản thành phố Bước 2: Trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản
2	Cách thức thực hiện	Qua Hệ thống quản lý văn bản thành phố
3	Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Báo cáo tình hình dịch bệnh động vật thủy sản của Sở Nông nghiệp và PTNT. - Văn bản kết luận chẩn đoán xác định bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật. - Tờ trình đề nghị công bố dịch bệnh động vật thủy sản 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
4	Thời hạn giải quyết	24 giờ kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định
5	Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
6	Cơ quan giải quyết	Ủy ban nhân dân thành phố
7	Kết quả thực hiện	Quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản
8	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không có
9	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật thú y năm 2015 - Thông tư số 04/2016/TTBNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

V. Lĩnh vực thủy sản (01 TTHC)

Quyết định điều chỉnh ranh giới diện tích khu bảo tồn biển cấp thành phố

1	Trình tự thực hiện	- Ban quản lý khu bảo tồn biển có văn bản đề nghị Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển; - Ban quản lý khu bảo tồn biển chủ trì xây dựng dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển; - Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT chủ trì tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu bảo tồn biển về phương án điều chỉnh, bảo đảm tối thiểu 70% ý kiến cộng đồng dân cư và có văn bản lấy ý kiến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã liên quan; trong thời hạn 15 ngày kể
---	--------------------	---

		từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm góp ý bằng văn bản; - Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.
2	Thành phần, số lượng hồ sơ	*Thành phần: - Tờ trình đề nghị thẩm định dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển; - Báo cáo thuyết minh dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển theo Mẫu số 03 Phụ lục I. - Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã liên quan; ý kiến cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu bảo tồn biển khu vực dự kiến điều chỉnh; - Tài liệu liên quan khác (nếu có). *Số lượng hồ sơ: 01 bộ
3	Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển. Trường hợp không ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
4	Đối tượng thực hiện	Ban quản lý khu bảo tồn biển.
5	Cơ quan giải quyết	Chi cục Thủy sản - Sở NN&PTNT
6	Kết quả thực hiện	Quyết định điều chỉnh ranh giới diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh
7	Tên mẫu đơn, tờ khai	- Báo cáo thuyết minh dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn Mẫu số 03 phụ lục I Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 - Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn Mẫu số 04 phụ lục I Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022
8	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Thủy sản; - Thông tư số 19/2018/TTBNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về phát triển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; - Thông tư số 01/2022/TTBNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản

MẪU BÁO CÁO THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

Phần I. SỰ CẦN THIẾT

I. GIỚI THIỆU TÍNH CẤP THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ, CĂN CỨ THỰC TIỄN

1. Căn cứ pháp lý

2. Căn cứ thực tiễn

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN SINH VẬT

1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA KHU BẢO TỒN BIỂN (TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH)

1. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu bảo tồn trong thời kỳ trước

2. Phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện các mục tiêu bảo tồn trong thời kỳ trước

3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện mục tiêu bảo tồn trong thời gian tới

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Quan điểm điều chỉnh

2. Mục tiêu điều chỉnh

3. Nhiệm vụ

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

1. Về vị trí, tọa độ địa lý

2. Về diện tích

3. Các phân khu chức năng

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

1. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển đến nguồn tài nguyên thiên nhiên

2. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển đến kinh tế - xã hội của địa phương

3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích đến công tác quản lý

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ./.

Mẫu số 04

**MẪU QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH
KHU BẢO TỒN BIỂN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-..(2)....

.....(3)....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn
biển.....(4).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....(1).....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ.....(quyết định thành lập khu bảo tồn biển.....);

Xét đề nghị của...(5)... tại Tờ trình số.../TTr... ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh diện tích, ranh giới khu bảo tồn biển.....(4)....., gồm những nội dung sau:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ của việc điều chỉnh diện tích, ranh giới:
2. Vị trí, tọa độ địa lý Khu bảo tồn biển.....(4).....sau khi điều chỉnh
 - a) Vị trí địa lý:
 - b) Tọa độ khu bảo tồn: Kinh độ: Vĩ độ:
3. Diện tích Khu bảo tồn.....(4)..... sau khi điều chỉnh là:.....ha.
4. Các phân khu chức năng như sau:
 - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt:
 - Phân khu phục hồi sinh thái:

